

# LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991) LIÊN BANG NGA (1991 - 2000)

Bài  
2

## LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 \_ 1991) LIÊN BANG NGA (1991 \_ 2000)

---

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, Liên Xô nhanh chóng khôi phục đất nước, tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, trở thành một siêu cường trên thế giới. Các nước Đông Âu được giải phóng khỏi ách phát xít Đức đã tiến hành cách mạng dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH), đạt được nhiều thành tựu về các mặt. Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX, Liên Xô và các nước Đông Âu đều lâm vào tình trạng khủng hoảng về chính trị và kinh tế - xã hội, dẫn đến sự tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước này.

### I \_ LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70

#### 1. Liên Xô

##### a) Công cuộc khôi phục kinh tế (1945 \_ 1950)

Liên Xô bước ra khỏi Chiến tranh thế giới thứ hai với tư thế của người chiến thắng. Nhưng chiến tranh cũng đã gây ra nhiều tổn thất nặng nề cho đất nước Xô viết.

Khoảng 27 triệu người chết ; 1 710 thành phố, hơn 70 000 làng mạc, gần 32 000 nhà máy, xí nghiệp bị tàn phá. Đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn.

Sau chiến tranh, các nước phương Tây do Mĩ cầm đầu lại theo đuổi chính sách chống cộng, tiến hành Chiến tranh lạnh, bao vây kinh tế Liên Xô. Trước tình hình đó, Liên Xô vừa phải thực hiện nhiệm vụ hàn gắn vết thương chiến tranh và phát triển kinh tế, vừa phải chú ý đến nhiệm vụ củng cố quốc phòng và an ninh. Với tinh thần vượt mọi khó khăn gian khổ, nhân dân Xô viết đã hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm (1946 – 1950) trước thời hạn 9 tháng.

Liên Xô đã phục hồi nền sản xuất công nghiệp, năm 1947 đạt mức trước chiến tranh.

Đến năm 1950, tổng sản lượng công nghiệp tăng 73% so với mức trước chiến tranh (kế hoạch dự kiến là 48%), hơn 6 200 xí nghiệp được phục hồi hoặc mới xây dựng đi vào hoạt động. Nhiều ngành công nghiệp nặng tăng trưởng nhanh (dầu mỏ tăng 22%, thép : 49%, than : 57%).

Một số ngành sản xuất nông nghiệp cũng vượt mức trước chiến tranh, thu nhập quốc dân tăng 66% so với năm 1940 (kế hoạch dự kiến tăng 38%). Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử, đánh dấu bước phát triển nhanh chóng của khoa học – kĩ thuật Xô viết, phá vỡ thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mĩ.

#### ***b) Liên Xô tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất \_ kĩ thuật của CNXH (từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70)***

Từ năm 1950 đến năm 1975, Liên Xô đã thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn nhằm tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của CNXH.

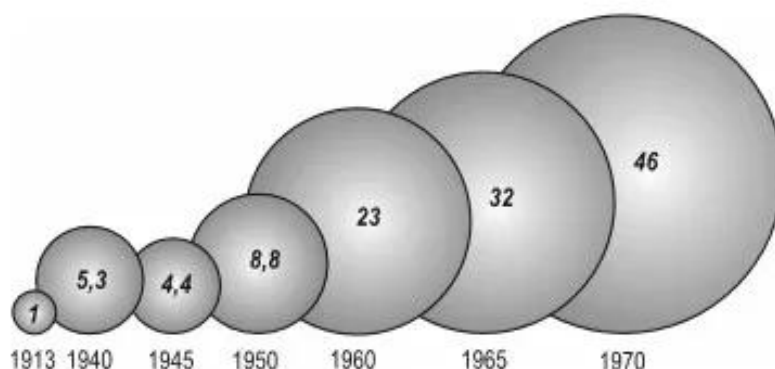
Về công nghiệp, Liên Xô đẩy mạnh sản xuất công nghiệp nặng như chế tạo máy, điện lực, hoá dầu, hoá chất, thực hiện cơ giới hoá, điện khí hoá, hoá học hoá. Đến nửa đầu những năm 70, Liên Xô là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ), chiếm khoảng 20% tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới.

Từ năm 1951 đến năm 1975, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của công nghiệp Xô viết là 9,6%. Năm 1970, sản lượng một số ngành công nghiệp quan trọng như điện lực đạt 704 tỉ kw/h (bằng sản lượng điện của bốn nước Anh, Pháp, CHLB Đức, Italia cộng lại), dầu mỏ đạt 353 triệu tấn, than đạt 624 triệu tấn và thép lần đầu tiên vượt Mĩ, đạt 121 triệu tấn (1971).

Về nông nghiệp, tuy gặp nhiều khó khăn nhưng sản xuất nông nghiệp của Liên Xô cũng thu được nhiều thành tích nổi bật.

Sản lượng nông phẩm trong những năm 60 tăng trung bình khoảng 16%/năm, năm 1970 đạt 186 triệu tấn ngũ cốc và năng suất trung bình là 15,6 tạ/ha.

Trong lĩnh vực khoa học – kĩ thuật, Liên Xô đã đạt được nhiều thành tựu rực rỡ. Năm 1957, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo. Năm 1961, Liên Xô phóng tàu vũ trụ Phương Đông đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh Trái Đất, mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người, sau đó đã tiến hành nhiều chuyến bay dài ngày trong vũ trụ. Liên Xô đã chiếm lĩnh nhiều đỉnh cao khoa học – kĩ thuật thế giới ở các lĩnh vực vật lí, hoá học, điện tử, điều khiển học, khoa học vũ trụ...



**Hình 4.** Biểu đồ tỉ lệ thu nhập quốc dân của Liên Xô so với năm cao nhất thời Nga hoàng (năm 1913)



**Hình 5.** Nhà du hành vũ trụ I. Gagarin (1934 - 1968)

Về xã hội, Liên Xô có những thay đổi rõ rệt. Năm 1971, công nhân chiếm hơn 55% số người lao động trong cả nước. Trình độ học vấn của người dân không ngừng được nâng cao.

#### ***c) Tình hình chính trị và chính sách đối ngoại của Liên Xô***

Từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70, nhìn chung tình hình chính trị của Liên Xô tương đối ổn định. Đảng Cộng sản và Nhà nước Xô viết hoạt động tích cực, có hiệu quả, tạo được niềm tin trong nhân dân.

Xã hội Xô viết đảm bảo được sự nhất trí về chính trị, tư tưởng; khối đoàn kết thống nhất giữa Đảng, Nhà nước, nhân dân và các dân tộc được duy trì.

Về đối ngoại, Đảng và Nhà nước Xô viết thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình và tích cực ủng hộ phong trào cách mạng thế giới. Liên Xô đấu tranh cho hoà bình, an ninh, kiên quyết chống chính sách gây chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động. Liên Xô giúp đỡ tích cực các nước xã hội chủ nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước. Liên Xô đi đầu trong việc ủng hộ sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Vị thế của Liên Xô được đề cao trên trường quốc tế.

## 2. Các nước Đông Âu

### a) Sự ra đời các nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu

Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Âu đều lệ thuộc vào các nước phương Tây, nhất là Anh và Pháp. Trong chiến tranh, các nước Đông Âu bị phát xít Đức và Italia chiếm đóng. Nhân dân các nước này đã anh dũng chiến đấu chống phát xít, thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc nhằm đoàn kết nhân dân tiến hành đấu tranh giải phóng dân tộc.

Trong những năm 1944 – 1945, khi Hồng quân Liên Xô truy kích quân đội phát xít qua vùng Đông Âu thì nhân dân và lực lượng cách mạng ở các nước này đã phối hợp với Hồng quân tiêu diệt bọn phát xít, giành chính quyền và thành lập nhà nước dân chủ nhân dân.

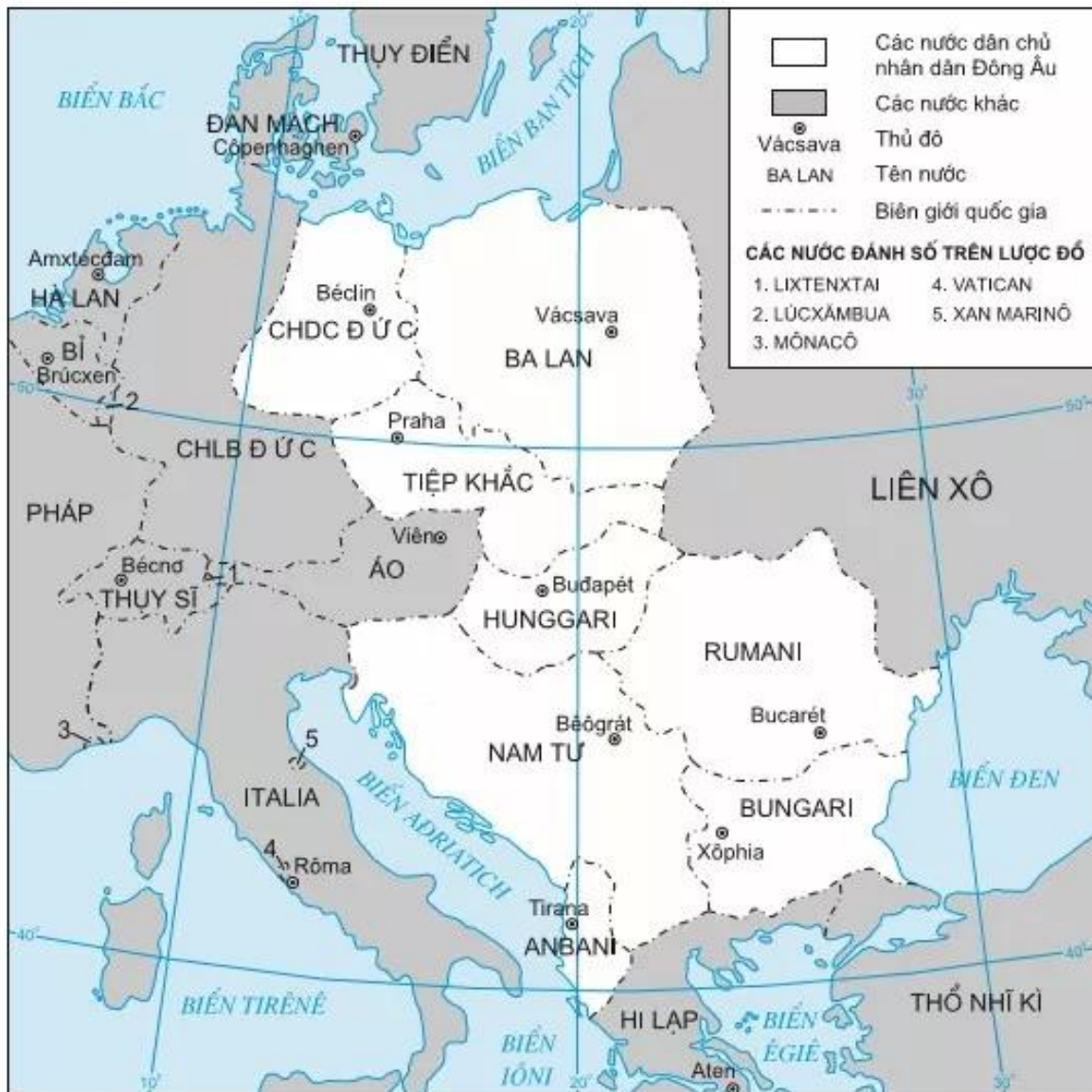
Cộng hoà Nhân dân Ba Lan (22 – 7 – 1944), Cộng hoà Nhân dân Rumani (28 – 8 – 1944), Cộng hoà Nhân dân Hunggari (4 – 4 – 1945), Cộng hoà Tiệp Khắc (9 – 5 – 1945), Liên bang Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Nam Tư (29 – 11 – 1945), Cộng hoà Nhân dân Anbani (11 – 12 – 1945), Cộng hoà Nhân dân Bungari (15 – 9 – 1946).

Riêng ở Đức, theo sự thoả thuận giữa ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh tại Hội nghị Pốtxdam (Đức), nước Đức phải đặt dưới sự chiếm đóng và kiểm soát theo từng khu vực của quân đội các nước Đồng minh. Tháng 9 – 1949, Mĩ, Anh, Pháp hợp nhất ba khu vực chiếm đóng, thành lập nước Cộng hoà Liên bang Đức. Ở phần phía Đông, tháng 10 – 1949, Liên Xô giúp các lực lượng dân chủ thành lập nước Cộng hoà Dân chủ Đức. Như vậy, trên lãnh thổ nước Đức đã xuất hiện hai nhà nước với hai chế độ chính trị khác nhau.

### b) Xây dựng chế độ dân chủ nhân dân

Sau khi được giải phóng, các nhà nước ở Đông Âu tiến hành các cuộc cải cách dân chủ nhằm hoàn thành những nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân.

Chính phủ ở các nước Đông Âu là chính phủ liên hiệp, bao gồm nhiều giai cấp, nhiều đảng phái đã từng tham gia trong Mặt trận thống nhất dân tộc. Giai cấp tư sản và các chính đảng của họ là một lực lượng không nhỏ, giữ vị trí khá quan trọng trong chính quyền các cấp cũng như trong nền kinh tế đất nước. Những năm 1947 – 1948, các chính đảng tư sản đã chống phá việc thực hiện những cải cách dân chủ triệt để, tranh giành ảnh hưởng với Đảng Cộng sản và âm mưu chiếm đoạt toàn bộ chính quyền nhưng thất bại.



**Hình 6.** Lược đồ các nước dân chủ nhân dân Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai

Trong thời kì này, các nước Đông Âu đã tiến hành cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá các xí nghiệp lớn của tư bản nước ngoài và trong nước, thực hiện rộng rãi các quyền tự do dân chủ, ban hành các đạo luật về chế độ làm việc, lương bổng, nghỉ ngơi theo tinh thần dân chủ. Đến khoảng những năm 1948 – 1949, các nước Đông Âu đều lần lượt hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân và bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội.

### **c) Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu**

Từ giữa những năm 50, các nước Đông Âu tiến hành xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội với việc thực hiện các kế hoạch 5 năm. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội diễn ra trong điều kiện khó khăn, phức tạp. Phần lớn các nước Đông Âu là những nước chậm phát triển về kinh tế và khoa học – kĩ thuật (trừ Tiệp Khắc và CHDC Đức), lại bị bao vây về kinh tế và sự phá hoại về chính trị của các nước đế quốc cùng các thế lực phản động trong nước. Với sự giúp đỡ có hiệu quả của Liên Xô và sự cố gắng vượt bậc của nhân dân, trong những năm 1950 – 1975, các nước Đông Âu về cơ bản đã thực hiện thành công các kế hoạch 5 năm.

Trước chiến tranh, Anbani là một nước nghèo. Năm 1970, Anbani đã hoàn thành điện khí hoá cả nước, sản phẩm nông nghiệp tăng gấp 2 lần những năm 60. Ở Bungari, tổng sản lượng công nghiệp năm 1975 tăng 55 lần so với năm 1939; nông thôn đã hoàn thành việc điện khí hoá. Rumani từ một nước nông nghiệp lạc hậu đã trở thành một nước công – nông nghiệp, năm 1973 sản xuất công nghiệp tăng 25 lần so với năm 1938, sản phẩm nông nghiệp năm 1971 tăng khoảng 1,9 lần so với trước chiến tranh. Tiệp Khắc đã được xếp vào hàng các nước công nghiệp trên thế giới; năm 1970, sản lượng công nghiệp chiếm 1,75% tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới. Ở CHDC Đức, sau 30 năm xây dựng, sản xuất công nghiệp đã đạt mức bằng cả nước Đức cũ năm 1939; các ngành công nghiệp hàng đầu cũng thu được kết quả to lớn. Trên cơ sở kinh tế tăng trưởng, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các nước Đông Âu được cải thiện và nâng cao.

## **3. Quan hệ hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu**

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển. Các nước xã hội chủ nghĩa đều lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng, đều có chung chế độ kinh tế, chính trị, nhất trí về lợi ích và mục tiêu chung. Do đó, quan hệ hợp tác tương trợ giữa các nước xã hội chủ nghĩa đã xuất hiện và phát triển.

### **a) Quan hệ hợp tác kinh tế, khoa học \_ kĩ thuật**

Ngày 8 – 1 – 1949, *Hội đồng tương trợ kinh tế* (thường gọi tắt là SEV) được thành lập gồm các nước : Liên Xô, Anbani, Ba Lan, Bungari, Hunggari, Rumani, Tiệp Khắc ; năm 1950 kết nạp thêm CHDC Đức<sup>(1)</sup>. Mục tiêu của Hội đồng tương trợ kinh tế là củng cố, hoàn thiện sự hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy sự tiến bộ về kinh tế và kĩ thuật, giảm dần sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân các nước thành viên.

Sau hơn 20 năm hoạt động, SEV đã có những đóng góp rất lớn đối với sự phát triển của các nước thành viên. Từ năm 1951 đến năm 1973, tỉ trọng của SEV trong sản xuất công nghiệp thế giới tăng từ 18% lên 33%, tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm khoảng 10%, tổng sản phẩm trong nước (GDP) của các nước thành viên SEV năm 1973 tăng 5,7 lần so với năm 1950. Liên Xô giữ vai trò quyết định trong khối SEV...

Trong quá trình hoạt động, khối SEV có những hạn chế như bao cấp, "khép kín", không hoà nhập với kinh tế thế giới...

### **b) Quan hệ hợp tác chính trị \_ quân sự**

Ngày 14 – 5 – 1955, đại biểu các nước Anbani, Ba Lan, Bungari, CHDC Đức, Hunggari, Liên Xô, Rumani, Tiệp Khắc đã họp tại Vácsava, thoả thuận cùng nhau kí Hiệp ước hữu nghị, hợp tác và tương trợ với thời hạn 20 năm nhằm duy trì hoà bình, an ninh ở châu Âu và thế giới, củng cố tình hữu nghị, sự hợp tác và sức mạnh của các nước xã hội chủ nghĩa.

Hiệp ước quy định : Trong trường hợp một hay nhiều nước thành viên của Hiệp ước này bị tấn công hoặc bị đe dọa an ninh, các nước thành viên khác có nhiệm vụ giúp nước bị tấn công hoặc bị đe dọa bằng mọi phương tiện có thể, kể cả sử dụng lực lượng vũ trang.

*Tổ chức Hiệp ước Vácsava* trở thành một đối trọng với NATO, đóng vai trò quan trọng trong việc giữ gìn hoà bình, an ninh ở châu Âu và thế giới.



- *Nêu những thành tựu chính trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70.*
- *Nêu những thành tựu chính của các nước Đông Âu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70.*
- *Hãy cho biết sự ra đời và vai trò của Hội đồng tương trợ kinh tế và Tổ chức Hiệp ước Vácsava.*

(1) Sau này, Hội đồng tương trợ kinh tế có thêm các thành viên : Cộng hoà Nhân dân Mông Cổ (1962), Cộng hoà Cuba (1972), Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1978).

## II – LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ GIỮA NHỮNG NĂM 70 ĐẾN NĂM 1991

### 1. Liên Xô từ giữa những năm 70 đến năm 1991

#### a) Tình hình kinh tế \_ xã hội

Năm 1973, cuộc khủng hoảng dầu mỏ bùng nổ, báo hiệu bước khởi đầu của cuộc khủng hoảng chung đối với thế giới trên nhiều mặt : chính trị, kinh tế, tài chính. Cuộc khủng hoảng đã làm bộc lộ nhiều vấn đề bức thiết như tình trạng vơi cạn dần nguồn tài nguyên, ô nhiễm môi trường, sự bùng nổ về dân số... trên thế giới. Nó đặt ra yêu cầu phải cải cách về kinh tế, chính trị, xã hội để thích nghi với sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học – kĩ thuật và sự giao lưu, hợp tác quốc tế ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Trong bối cảnh đầy thử thách ấy, Đảng và Nhà nước Liên Xô lại cho rằng quan hệ xã hội chủ nghĩa không chịu sự tác động của cuộc khủng hoảng chung toàn thế giới, hơn nữa các nguồn tài nguyên của Liên Xô lại khá dồi dào, nên đã chậm trễ ra đường lối cải cách. Trong khi đó, mô hình của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và những cơ chế của nó về kinh tế, chính trị, xã hội lại chứa đựng những thiếu sót, sai lầm vốn được tích tụ từ lâu. Điều đó cản trở sự phát triển của đất nước. Xã hội Xô viết lâm vào tình trạng thiếu dân chủ và công bằng, kỉ cương và pháp chế xã hội chủ nghĩa bị vi phạm nghiêm trọng, tệ nạn xã hội gia tăng, sản xuất tăng trưởng chậm, năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm kém và ngày càng thua kém các nước phương Tây về khoa học – kĩ thuật. Nền kinh tế Liên Xô ngày càng mất cân đối nghiêm trọng, nợ nước ngoài và lạm phát không ngừng tăng lên. Đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.

#### b) Công cuộc cải tổ (1985 \_ 1991)

Tháng 3 – 1985, M. Gorbachốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô, đã đưa ra đường lối cải tổ. Mục đích của công cuộc cải tổ được tuyên bố là nhằm đổi mới mọi mặt đời sống của xã hội Xô viết, sửa chữa những thiếu sót, sai lầm trước đây, đưa đất nước thoát khỏi sự trì trệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội đúng như bản chất của nó. Công cuộc cải tổ được tiến hành trên các mặt kinh tế, chính trị và xã hội.



*Về kinh tế, chủ trương đẩy nhanh việc ứng dụng thành tựu mới về khoa học – kĩ thuật, đưa nền kinh tế phát triển theo chiều sâu, đạt mức cao nhất của thế giới về năng suất lao động xã hội, chất lượng sản phẩm và hiệu quả, xây dựng "nền kinh tế thị trường có điều tiết", bảo đảm cơ cấu tối ưu về tinh cân đối của nền kinh tế quốc dân thống nhất.*

*Về chính trị – xã hội, mở rộng chế độ tự quản xã hội chủ nghĩa của nhân dân, củng cố kỉ luật và trật tự, mở rộng tinh công khai phê bình và tự phê bình, bảo đảm mức độ mới về phúc lợi nhân dân, thực hiện triệt để nguyên tắc phân phối theo lao động.*

Trong năm đầu thực hiện đường lối cải tổ, đông đảo nhân dân Xô viết phấn khởi ủng hộ và chờ đợi. Nhưng qua 6 năm thực hiện, tình hình lại chuyển biến theo chiều hướng xấu. Do tác động tiêu cực của những sai lầm trước kia, do chưa được chuẩn bị đầy đủ, lại mắc phải nhiều sai lầm mới trầm trọng hơn, nên công cuộc cải tổ ngày càng bế tắc và rời xa những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Đến tháng 12 – 1990, công cuộc cải tổ về kinh tế thực sự thất bại. Sự cải tổ về chính trị đã thiết lập quyền lực của tổng thống và chuyển sang chế độ đa đảng. Xã hội lâm vào rối loạn với những xung đột gay gắt giữa các dân tộc và các phe phái trên toàn Liên bang.

### ***c) Sự tan rã của Liên bang Xô viết***

Quá trình trì trệ, khủng hoảng kéo dài của đất nước Xô viết đã lên tới đỉnh điểm khi nổ ra cuộc đảo chính ngày 19 – 8 – 1991 do một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô tiến hành. Cuộc đảo chính nhanh chóng bị thất bại (21 – 8 – 1991). Sau khi trở lại nắm quyền, M. Goócbachốp tuyên bố từ chức Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, yêu cầu giải tán Ủy ban Trung ương Đảng (24 – 8 – 1991), đình chỉ hoạt động của Đảng Cộng sản Liên Xô (29 – 8 – 1991). Chính quyền Xô viết trong toàn Liên bang bị tê liệt.

Chỉ trong vài tuần lễ sau cuộc đảo chính, tất cả các nước cộng hoà, trừ Nga và Cadácxtan, đều tách khỏi Liên bang, tuyên bố độc lập. Ngày 6 – 9 – 1991, Quốc hội bãi bỏ Hiệp ước Liên bang năm 1922, trao quyền cho các cơ quan lâm thời. Ngày 21 – 12 – 1991, tại thủ đô Anma Ata (Cadácxtan), 11 nước cộng hoà kí Hiệp ước về giải tán Liên bang Xô viết và chính thức thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (thường gọi tắt là SNG). Ngày 25 – 12 – 1991, sau lời tuyên bố từ chức Tổng thống của M. Goócbachốp, lá cờ đỏ búa liềm trên nóc điện Cremlin bị hạ xuống, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sau 74 năm tồn tại.



Hình 7. Lược đồ Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG)

## 2. Các nước Đông Âu từ giữa những năm 70 đến năm 1991

### a) Tình hình kinh tế \_ xã hội

Sau cuộc khủng hoảng năng lượng năm 1973, nhịp độ tăng trưởng kinh tế của các nước Đông Âu suy giảm rõ rệt. Bước sang những năm 80, các nước này đều đề ra chiến lược phát triển kinh tế – xã hội dựa trên sự tiến bộ về khoa học – kĩ thuật và chuyển mạnh sang con đường phát triển theo chiều sâu. Nhưng những cố gắng đó không kìm hãm được tốc độ suy thoái ngày càng trầm trọng.

Cuối năm 1989, nền kinh tế Đông Âu chìm sâu trong khủng hoảng, thu nhập quốc dân chỉ tăng 0,5%. Ở các nước Hungary, Bungari thì giảm tuyệt đối. Nợ nước ngoài gia tăng nhanh chóng.

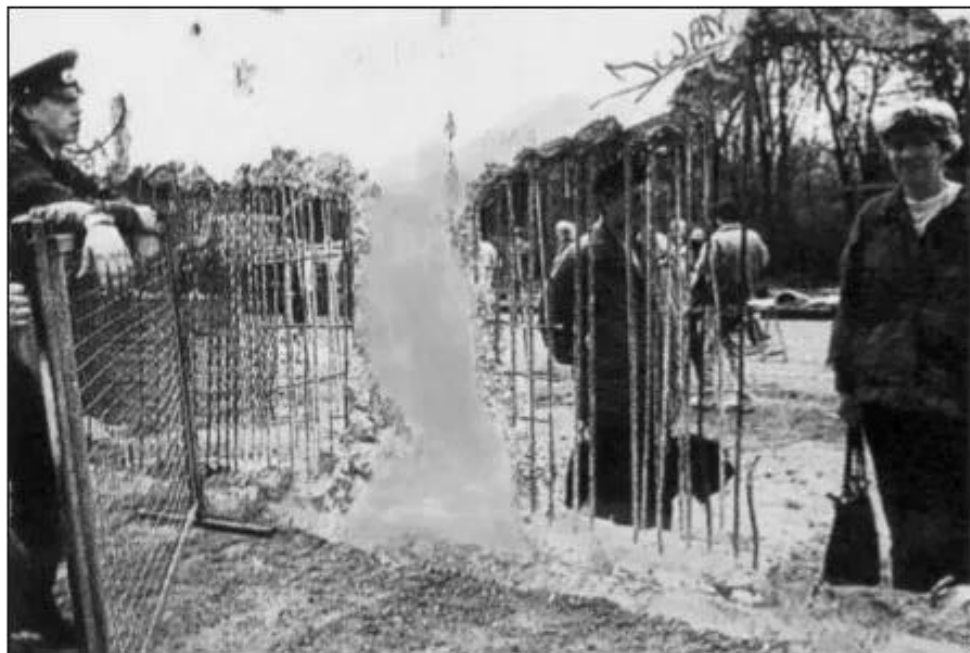
Chính phủ Liên Xô lúc đó cũng đang gặp khó khăn trong công cuộc cải tổ, không giúp đỡ được các nước Đông Âu.

Nhân dân các nước Đông Âu giảm sút lòng tin vào Đảng và Nhà nước. Sự bất bình của họ ngày càng tăng lên. Ngay từ cuối thập kỉ 70, ở nhiều nước đã xảy ra những cuộc đấu tranh, đình công của công nhân và các tầng lớp nhân dân, làm cho tình hình đất nước không ổn định.

### **b) Sự tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu**

Cuộc khủng hoảng nổ ra sớm nhất ở Ba Lan vào cuối năm 1988, sau đó nhanh chóng lan sang các nước Hunggari, Tiệp Khắc, CHDC Đức, Rumani, Bungari, Anbani. Mít tinh, biểu tình, tuần hành, bãi công diễn ra dồn dập, đòi cải cách kinh tế, thực hiện đa nguyên về chính trị, tiến hành tổng tuyển cử tự do mà mũi nhọn tấn công của các nhóm phái nhằm vào các đảng cộng sản cầm quyền. Những hoạt động trên đã làm tê liệt mọi sinh hoạt của đất nước, đẩy chế độ xã hội chủ nghĩa lâm vào cuộc khủng hoảng toàn diện. Những người lãnh đạo các nước Đông Âu đều lần lượt tuyên bố từ bỏ quyền lãnh đạo của đảng cộng sản, chấp nhận chế độ đa nguyên về chính trị và tiến hành tổng tuyển cử.

Ở các nước Bungari, Nam Tư, Rumani, Anbani, tình hình đất nước tiếp tục khủng hoảng sâu sắc. Ở CHDC Đức, sau hơn hai tuần lễ (từ giữa tháng 10 – 1989) nhiều sự kiện diễn ra gay gắt, tình hình biến chuyển nhanh chóng. Ngày 9 – 11 – 1989, nhà cầm quyền CHDC Đức tuyên bố bỏ ngỏ "bức tường Béclin" (được dựng lên từ năm 1961 như một biểu tượng của sự chia cắt nước Đức). Ngày 3 – 10 – 1990, việc thống nhất nước Đức đã được thực hiện với sự sáp nhập CHDC Đức vào CHLB Đức.



**Hình 8.** "Bức tường Béclin" bị phá bỏ

Cùng với các sự kiện trên, ngày 28 – 6 – 1991, Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) tuyên bố giải thể ; ngày 1 – 7 – 1991, Tổ chức Hiệp ước Vácsava chấm dứt hoạt động.

### 3. Nguyên nhân tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu

Trong một thời kì dài, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu đem lại nhiều thành tựu to lớn, nhưng cũng càng ngày càng bộc lộ nhiều sai lầm, thiếu sót.

Một là, thiếu tôn trọng đầy đủ các quy luật phát triển khách quan về kinh tế – xã hội, chủ quan, duy ý chí, thực hiện cơ chế tập trung quan liêu bao cấp thay cho cơ chế thị trường. Điều đó làm cho nền kinh tế đất nước thiếu tính năng động, sản xuất trì trệ, đời sống nhân dân không được cải thiện. Về xã hội, thiếu dân chủ và công bằng, vi phạm pháp chế XHCN. Tình trạng đó kéo dài đã làm tăng lòng bất mãn trong quần chúng.

Hai là, không bắt kịp sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại, đưa tới sự trì trệ, khủng hoảng về kinh tế – xã hội.

Ba là, khi tiến hành cải tổ lại phạm sai lầm trên nhiều mặt, làm cho khủng hoảng càng thêm nặng nề.

Bốn là, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước có tác động không nhỏ làm cho tình hình càng thêm rối loạn.

Sự tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu trong những năm 1989 – 1991 đã gây nên những hậu quả hết sức nặng nề. Đó là một tổn thất lớn trong lịch sử phong trào cộng sản – công nhân quốc tế. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới không còn tồn tại. Trật tự thế giới hai cực đã kết thúc.



*– Lập niên biểu các sự kiện quan trọng ở Liên Xô trong thời gian tiến hành cải tổ (1985 – 1991).*

*– Nêu các sự kiện chính đánh dấu quá trình tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.*

### III – LIÊN BANG NGA TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000

Từ sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga là "quốc gia kế tục Liên Xô", trong đó được kế thừa địa vị pháp lí của Liên Xô tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc cũng như tại các cơ quan ngoại giao của Liên Xô ở nước ngoài.

Về kinh tế, từ năm 1992, Chính phủ Nga đề ra cương lĩnh tư nhân hoá nền kinh tế, cố gắng đưa đất nước đi vào kinh tế thị trường. Nhưng việc tư nhân hoá ồ ạt càng làm cho nền kinh tế rối loạn hơn.

Sản xuất công nghiệp năm 1992 giảm xuống còn 20%. Mức lương trung bình của công nhân viên chức thấp hơn của người Mỹ 25 lần. Một tầng lớp tư sản mới khá đông đảo hình thành trong xã hội Nga. Từ năm 1990 đến năm 1995, tốc độ tăng trưởng GDP<sup>(1)</sup> luôn luôn là số âm : năm 1990 là -3,6%, năm 1995 là -4,1%.

Từ năm 1996, nền kinh tế Nga dần dần phục hồi. Đến năm 1997, tốc độ tăng trưởng đã đạt 0,5% ; năm 2000 lên đến 9%.

*Về chính trị*, sau một thời gian đấu tranh gay gắt giữa các đảng phái, tháng 12 - 1993, bản Hiến pháp của Liên bang Nga được ban hành.

Theo Hiến pháp 1993, Tổng thống do dân bầu trực tiếp là người đứng đầu nhà nước, là người điều hành chung mọi hoạt động của tất cả các cơ quan chính quyền. Thủ tướng là người đứng đầu chính phủ, thực thi chức năng của cơ quan hành pháp. Hệ thống lập pháp gồm 2 viện là Hội đồng Liên bang (Thượng viện) và Duma Quốc gia (Hạ viện). Hệ thống tư pháp gồm Tòa án Hiến pháp và Tòa án tối cao. Tổng thống đầu tiên của Liên bang Nga là B. Enxin (1992 - 1999) ; từ năm 2000 là V. Putin.

Dưới thời Tổng thống B. Enxin, về mặt đối nội, tình hình nước Nga đứng trước hai thách thức lớn. Một là tình trạng không ổn định về chính trị do sự tranh chấp quyền lực giữa các tập đoàn tài chính - chính trị và do đòi hỏi dân chủ hoá của nhân dân. Hai là những cuộc xung đột sắc tộc, nổi bật là phong trào li khai của vùng Trécxnia. Những lực lượng li khai đã tiến hành nhiều vụ khủng bố nghiêm trọng, gây ra nhiều tổn thất nặng nề.

*Về đối ngoại*, trong những năm 1992 - 1993, nước Nga theo đuổi chính sách đối ngoại "*định hướng Đại Tây Dương*", ngả về các cường quốc phương Tây với hi vọng nhận được sự ủng hộ về chính trị và sự viện trợ về kinh tế. Nhưng sau 2 năm, nước Nga chỉ có được những khoản tín dụng và viện trợ tài chính rất ít ỏi. Từ năm 1994, nước Nga chuyển sang chính sách đối ngoại "*định hướng Âu - Á*", trong khi tranh thủ phương Tây, vẫn khôi phục và phát triển quan hệ với các nước trong khu vực châu Á (một số nước SNG, Trung Quốc, Ấn Độ, các nước ASEAN...).

Từ đầu năm 2000, chính phủ của Tổng thống V. Putin cố gắng phát triển kinh tế, củng cố nhà nước pháp quyền, ổn định tình hình xã hội và nâng cao vị thế quốc tế của nước Nga. Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu về mọi mặt, nhưng nước Nga vẫn phải đương đầu với xu hướng li khai và nạn khủng bố, tiếp tục

---

(1) GDP : Tổng sản phẩm trong nước (hoặc quốc nội).

GNP : Tổng sản phẩm quốc dân (hoặc quốc gia).

khắc phục những trở ngại trên con đường phát triển, giữ vững và nâng cao địa vị của một cường quốc Âu – Á trên trường chính trị thế giới.



*Nêu những nét chính về Liên bang Nga trong thời gian 1991 – 2000.*

## CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Trình bày vai trò quốc tế của Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991.
2. Phân tích những nguyên nhân dẫn đến sự tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

## PHẦN ĐỌC THÊM

### VỊ TRÍ VÀ TIỀM NĂNG KINH TẾ CỦA LIÊN BANG NGA

Liên bang Nga có diện tích 17,1 triệu km<sup>2</sup>, lớn gấp 1,6 lần diện tích các nước còn lại ở châu Âu, gấp 1,8 lần lãnh thổ Mỹ. Về dân số, Liên bang Nga có gần 150 triệu người, đứng vị trí thứ 6 trên thế giới. Nhưng vấn đề không phải là ở diện tích và dân số, mà là tiềm lực kinh tế và quân sự của nước này. Nếu như trước đây người Nga đóng vai trò chủ yếu trong việc tạo nên một Liên bang Xô viết siêu cường thế giới, thì hiện nay, khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga chính là "quốc gia – người kế tục Liên Xô". Liên bang Nga nhanh chóng kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của Liên Xô trên tất cả các mặt. Phương Tây và các nước lớn cũng tiếp nhận quy chế Nga với tư cách là "quốc gia – người kế tục Liên Xô" mà biểu hiện trước hết là đồng ý chuyển giao cho Liên bang Nga ghế Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Và chỉ đến tháng 1 – 1992, rất nhanh sau khi Liên Xô tan rã, đã có 131 nước công nhận nước Nga...

Về kinh tế, Liên bang Nga có tiềm năng rất lớn. Lãnh thổ Liên bang Nga trải dài hai lục địa Âu – Á, giàu có về khoáng sản và tài nguyên thiên nhiên. Vùng Xibia được đánh giá là "cái kho của tài nguyên thế giới" với những khu rừng taiga như "hai lá phổi của châu Á". Với hơn 70 năm tồn tại, thể chế Xô viết đã tạo dựng được một cơ sở công – nông nghiệp hùng hậu với nhiều ngành sản xuất mũi nhọn, Liên bang Nga lại có một đội ngũ cán bộ khoa học – kĩ thuật đông đảo, có hàm lượng chất xám khá cao. Những trung tâm khoa học lớn nhất của Liên Xô cũ đều nằm trên lãnh thổ Liên bang Nga, đội ngũ cán bộ khoa học tại các viện nghiên cứu và các trường đại học ở Nga khoảng 1 triệu người.

(Nguyễn Xuân Sơn – Nguyễn Hữu Cát (Chủ biên),  
*Về mối quan hệ giữa Việt Nam – Liên bang Nga trong giai đoạn hiện nay*,  
NXB Chính trị quốc gia, H., 1997, tr.10, 12)